

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ**



Nhóm 2

**ÚNG DUNG
NGÂN HÀNG SỐ THÔNG MINH BHDG**

**BÁO CÁO BÀI TẬP LỚN PHÂN TÍCH THIẾT KẾ VÀ
HƯỚNG ĐÖI TUQNG
Ngành: Công nghệ thông tin**

Cán bộ hướng dẫn:
Giảng viên Trần Hoàng Việt

Thành viên:
Hoàng Đức Bách - 22021210
Nguyễn Sinh Hùng - 220****
Bùi Đức Duy - *****
Đoàn Văn Giáp - *****

HÀ NỘI - 2025

TÓM TẮT

Với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ tài chính, các ứng dụng ngân hàng số thông minh đang trở thành giải pháp quan trọng giúp nâng cao trải nghiệm người dùng, tăng cường bảo mật và tối ưu hoạt động cũng như tối ưu chi phí. Bản báo cáo này sẽ trình bày chi tiết về các mô tả, các bản đặc tả và các bản thiết kế kiến trúc của hệ thống.

Nội dung của báo bao gồm:

1. Phân công trách nhiệm
2. Mô tả hệ thống
3. Biểu đồ ca sử dụng
4. Đặc tả ca sử dụng
5. Biểu đồ hoạt động và tuần tự
6. Kiến trúc hệ thống
7. Thiết kế cơ sở dữ liệu

BẢNG PHỤ LỤC

Chương 1	4
GIỚI THIỆU	4
1.1 Mục tiêu	5
1.2 Phạm vi dự án	5
1.3 Thuật ngữ	5
1.4 Tổng quan về tài liệu	5
Chương 2	6
MÔ TẢ TỔNG QUAN HỆ THỐNG	6
2.1 Tổng quan hệ thống	7
2.1.1 Biểu đồ ca sử dụng của hệ thống	7
2.1.2 Bảng mô tả ca sử dụng của hệ thống	7
2.2 Đặc tả các yêu cầu chức năng	7
2.2.1 Biểu đồ ca sử dụng của khách hàng	7
2.2.1.1 Ca sử dụng: Rút tiền mặt từ ATM	8
2.2.1.2 Ca sử dụng: Quét QR	8
2.2.1.3 Ca sử dụng: Kiểm tra số dư	8
2.2.1.4 Ca sử dụng: Mở tài khoản tiết kiệm	8
2.2.2 Ca sử dụng của thu ngân	9
2.2.2.1 Ca sử dụng: Hỗ trợ khách hàng	9
2.2.3 Ca sử dụng của các công thanh toán	10
2.2.4 Ca sử dụng của Ngân hàng	10
2.3 Đặc điểm của người dùng	10
2.3.1 Khách hàng	10
2.3.2 Thu ngân	10
2.3.3 Ngân hàng	10
2.3.4 Công thanh toán	10
Chương 3	11
pHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG	11
3.1 Yêu cầu chức năng	12
3.1.1 Đặc tả ca sử dụng	12
3.1.1.1 Ca sử dụng: Rút tiền ATM	12
3.1.1.2 Ca sử dụng: Hỗ trợ khách hàng	13
3.1.1.3 Ca sử dụng: Quét QR	15
3.1.1.4 Ca sử dụng: Quản lý vay vốn	15
3.1.2 Biểu đồ hoạt động	16
3.1.2.1 Ca sử dụng: Rút tiền ATM	16
3.1.2.2 Ca sử dụng: Hỗ trợ khách hàng	18
3.1.2.3 Ca sử dụng: Kiểm tra số dư	18
3.1.2.4 Ca sử dụng: Mở tài khoản tiết kiệm	19
3.1.2.5 Ca sử dụng: Quét QR	21
3.1.2.6 Ca sử dụng: Quản lý vay vốn	21
3.1.2.7 Ca sử dụng: Nạp tiền điện thoại	22
3.1.2.8 Chuyển tiền	23
3.1.3 Biểu đồ tuần tự	24

Chương 1

GIỚI THIỆU

1.1 Mục tiêu

1.2 Phạm vi dự án

1.3 Thuật ngữ

1.4 Tổng quan về tài liệu

Chương 2

MÔ TẢ TỔNG QUAN HỆ THỐNG

2.1 Tổng quan hệ thống

2.1.1 Biểu đồ ca sử dụng của hệ thống



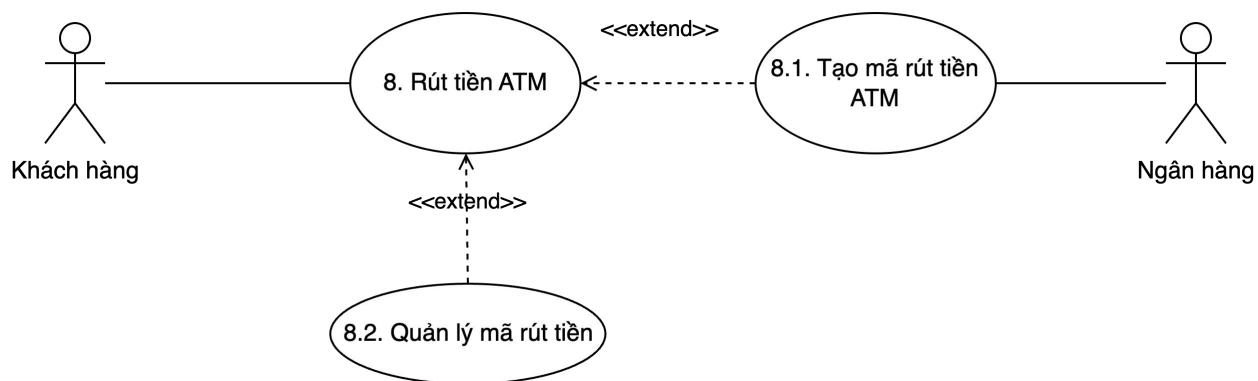
2.1.2 Bảng mô tả ca sử dụng của hệ thống

ID	Ca sử dụng	Mô tả
1	Xác thực	
1.1	Quét Face Id	
1.2	Nhập mật khẩu	
2	Đăng xuất	
3	Quản lý tài khoản	

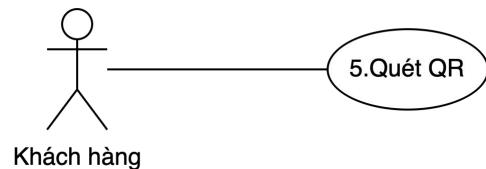
2.2 Đặc tả các yêu cầu chức năng

2.2.1 Biểu đồ ca sử dụng của khách hàng

2.2.1.1 Ca sử dụng: Rút tiền mặt từ ATM



2.2.1.2 Ca sử dụng: Quét QR



2.2.1.3 Ca sử dụng: Kiểm tra số dư

ID	UC04	Tên	Kiểm tra số dư
Mô tả	Use case này cho phép khách hàng kiểm tra số dư tài khoản ngân hàng		
Tác nhân	Khách hàng		
Normal flow	Khách hàng	Hệ thống	
	1. Chọn chức năng "Kiểm tra số dư" trên giao diện chính.		
		2. Hiển thị danh sách tài khoản của khách hàng.	
	3. Chọn tài khoản muốn xem		
		4. Lấy thông tin số dư của tài khoản được chọn và hiển thị lên màn hình.	
Abnormal flow			
Tiền điều kiện	Khách hàng đã đăng nhập vào hệ thống		
Hậu điều kiện	Khách hàng nhận được thông tin về số dư		

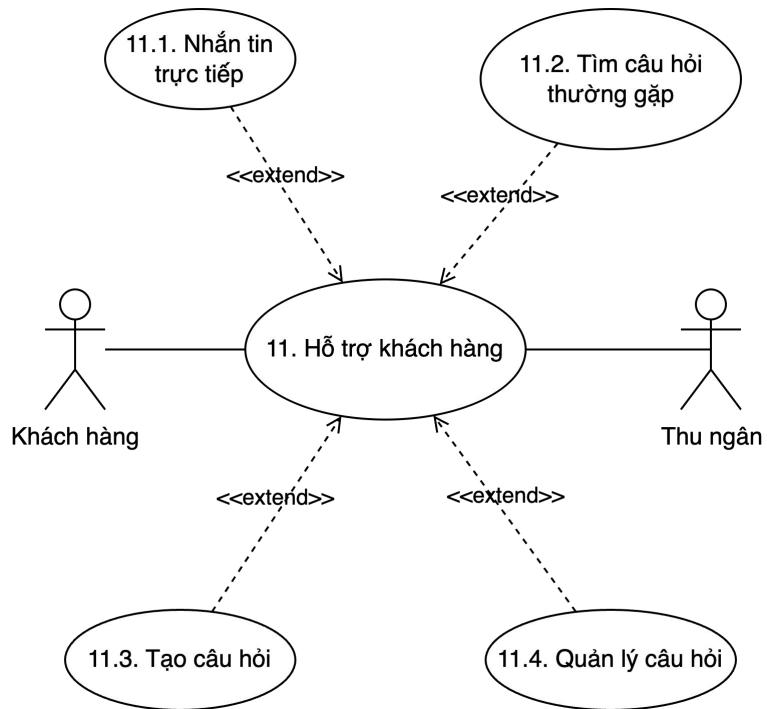
2.2.1.4 Ca sử dụng: Mở tài khoản tiết kiệm

ID	UC07	Tên	Mở tài khoản tiết kiệm
Mô tả	Use case này cho phép khách hàng mở tài khoản tiết kiệm trực tuyến thông qua hệ thống ngân hàng online.		
Tác nhân	Khách hàng		
Normal flow	Khách hàng	Hệ thống	
	1. Chọn chức năng "Mở tài khoản tiết kiệm" trên giao diện chính.		
		2. Hiển thị danh sách các loại tài khoản tiết kiệm (thời điểm	

		trả lãi, điều kiện rút tiền).
	3. Chọn loại tài khoản tiết kiệm.	
	4. Hiển thị giao diện nhập thông tin mở tài khoản bao gồm: Tài khoản nguồn, số tiền gửi, kỳ hạn và lãi suất tương ứng.	
	5. Nhập thông tin và xác nhận mở tài khoản.	
	6. Kiểm tra thông tin 6.1. Thông tin hợp lệ, hiển thị xác nhận giao dịch.	
	7. Xác nhận giao dịch bằng OTP	
	7. Kiểm tra OTP. 7.1. OTP đúng, xử lý yêu cầu mở tài khoản tiết kiệm. 8. Hiển thị thông báo mở tài khoản thành công và cung cấp thông tin tài khoản tiết kiệm mới tạo.	
Abnormal flow	5.a.1. Thay đổi loại tài khoản tiết kiệm	
	5.b. Quay lại bước 2	
	6.2. Số dư không đủ, yêu cầu nhập lại số tiền gửi.	
	7.a. Sửa thông tin mở tài khoản	
	7.b. Quay lại bước 4.	
	7.2. OTP sai, yêu cầu nhập lại OTP.	
Tiền điều kiện	Khách hàng đã đăng nhập vào hệ thống	
Hậu điều kiện	Khách hàng mở tài khoản tiết kiệm thành công và thông tin được cập nhật trong hệ thống.	

2.2.2 Ca sử dụng của thu ngân

2.2.2.1 Ca sử dụng: Hỗ trợ khách hàng



2.2.3 Ca sử dụng của các cổng thanh toán

2.2.4 Ca sử dụng của Ngân hàng

2.3 Đặc điểm của người dùng

2.3.1 Khách hàng

2.3.2 Thu ngân

2.3.3 Ngân hàng

2.3.4 Cổng thanh toán

Chương 3

PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG

3.1 Yêu cầu chức năng

3.1.1 Đặc tả ca sử dụng

3.1.1.1 Ca sử dụng: Rút tiền ATM

ID	8	Tên	Rút tiền ATM
Mô tả	Khách hàng tạo mã rút tiền ATM online và dùng mã để nhập vào ATM rút tiền thay vì phải dùng thẻ vật lý		
Tác nhân	Khách hàng, Ngân hàng		
Luồng sự kiện chính	Khách hàng	Hệ thống	Ngân hàng
	1. Khách hàng chọn đến <i>Rút tiền ATM</i>		
		2. Hệ thống hiển thị 2 lựa chọn <i>Tạo mã rút tiền ATM</i> hoặc <i>Quản lý mã rút tiền</i>	
	3. Nếu người dùng chọn <i>Tạo mã rút tiền ATM</i>		
		3.1. Hệ thống hiển thị biểu mẫu cho khách hàng nhập vào	
	3.2. Khách hàng xác thực giao dịch		
		3.3. Hệ thống gửi thông tin về ngân hàng	
			3.4. Ngân hàng ghi nhận và gửi thông tin về các hệ thống ATM
		3.5. Hệ thống gửi mã về cho khách hàng	
	4. Nếu khách hàng chọn <i>Quản lý mã rút tiền</i>		
		4.1. Hệ thống hiển thị nhập liệu thời gian cho khách hàng chọn	

	4.2. Khách hàng chọn truy vấn và hệ thống sẽ hiển thị danh sách các mã rút tiền		
Luồng sự kiện thay thế		Tình huống 1: Do xác thực giao dịch thất bại 3.3. Hệ thống thông báo lỗi và yêu cầu xác thực lại với số lần tối đa là Tình huống 2: Do số dư tài khoản không đủ 3.3. Hệ thống thông báo lỗi và yêu cầu nạp tiền rồi sau đó thực hiện lại 3.4. Hệ thống quay về bước 2	
	3.4. Khách hàng chọn kết thúc 3.5. Khách hàng chọn tiếp tục		
Tiền điều kiện	Khách hàng đã đăng nhập vào hệ thống		
Hậu điều kiện	Hệ thống gửi về mã rút tiền		
Mối quan hệ	Include	20	
	Extend	8.1, 8.2	
	Generalization		

3.1.1.2 Ca sử dụng: Hỗ trợ khách hàng

ID	11	Tên	Hỗ trợ khách hàng
Mô tả	Khách hàng tìm sự hỗ trợ qua các phương thức như tìm câu hỏi thường gặp, tạo câu hỏi hoặc nhắn tin trực tiếp cho thu ngân		
Tác nhân	Khách hàng, Thu ngân		
Luồng sự kiện chính	Khách hàng	Thu ngân	Hệ thống
	1. Khách hàng chọn biểu tượng tin nhắn để vào màn hình hỗ trợ khách hàng		
			2. Hệ thống hiển thị 4 lựa chọn gồm Nhắn tin trực tiếp, Tìm câu hỏi thường gặp, Tạo câu hỏi và Quản lý câu hỏi
	3. Nếu khách hàng chọn Quản lý câu hỏi		3.1. Hệ thống hiển thị các câu hỏi đã được gửi cùng với câu trả lời của thu ngân nếu có

	4. Nếu khách hàng chọn <i>Tạo câu hỏi</i>		
			4.1. Hệ thống hiển thị biểu mẫu cho khách hang nhập vào
	4.2. Khách hàng nhập xong biểu mẫu nhấn gửi		
			4.3. Hệ thống ghi nhận và thông báo thành công
	5. Nếu khách hàng chọn <i>Tìm câu hỏi thường gặp</i>		5.1. Hệ thống hiển thị các câu hỏi đã được hỏi từ cộng đồng
	6. Nếu khách hàng chọn <i>Nhắn tin trực tiếp</i>		
			6.1. Hệ thống hiển thị màn hình 6.1.1. Nếu là khách hang, hiển thị màn hình chờ đến lượt 6.1.2. Nếu là thu ngân, màn hình xuất hiện thông báo có khách hang cần trợ giúp
		6.2. Thu ngân chọn chấp nhận hoặc từ chối vào cuộc trò chuyện	
	6.3. Khách hàng đến lượt và được vào màn trò chuyện		
Luồng sự kiện thay		Tình huống 1: Chưa đến lượt	

thể	6.2. Thu ngân từ chối cuộc trò chuyện		
	6.4. Khách hàng tiếp tục chờ đợi hoặc thoát hàng chờ		
		Tình huống 2: Tất cả nhân viên đều bạn 6.2. Hệ thống thông báo thông tin và đưa ra 2 lựa chọn <i>Chờ đợi</i> hoặc <i>Thoát</i>	
Tiền điều kiện	Khách hàng đã đăng nhập vào hệ thống		
Hậu điều kiện	Danh sách câu hỏi thường gặp được hiện ra hoặc khách hàng gửi câu hỏi thành công hoặc danh sách các câu hỏi trước đó hiện ra hoặc khách hàng đã tham gia trò chuyện thành công với thu ngân		
Mối quan hệ	Include		
	Extend	11.1, 11.2, 11.3, 11.4	
	Generalization		

3.1.1.3 Ca sử dụng: Quét QR

ID	5	Tên	Quét QR
Mô tả	Use case này cho phép khách hàng giao dịch nhanh chóng, tiện lợi chỉ với việc quét mã QR		
Tác nhân	Khách hàng		
Normal flow	Khách hàng	Hệ thống	
	1. Chọn chức năng "Quét QR" trên giao diện chính.		
		2. Kiểm tra mã QR có hợp lệ hay không.	
	3. Điene, kiểm tra thông tin giao dịch.		
		4. Xác nhận thông tin giao dịch và tiến hành giao dịch.	
Abnormal flow			
Tiền điều kiện	Khách hàng đã đăng nhập vào hệ thống		
Hậu điều kiện	Khách hàng nhận được kết quả giao dịch		

3.1.1.4 Ca sử dụng: Quản lý vay vốn

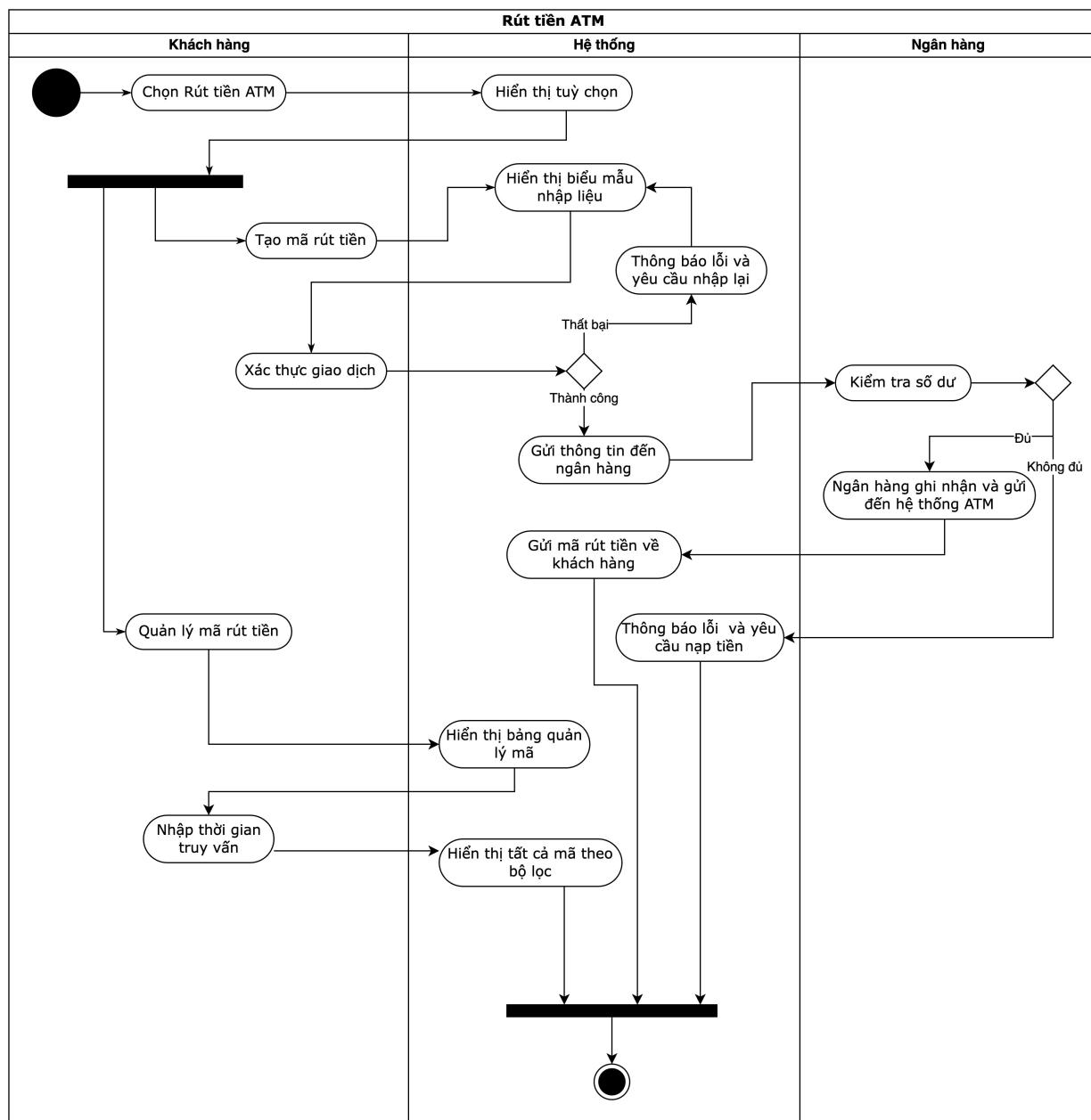
ID	12	Tên	Quản lý vay vốn
Mô tả	Use case này cho phép khách hàng vay vốn tiêu dùng trong hạn mức cho phép.		
Tác nhân	Khách hàng		
Normal flow	Khách hàng	Hệ thống	
	1. Chọn chức năng "Khoản vay" trên giao diện chính.		

	2. Hiển thị danh sách các khoản vay hiện có và thời hạn (nếu có), tạo khoản vay mới.
3. Chọn loại giao dịch (Thanh toán khoản vay/Tạo khoản vay mới).	
	4. Hiển thị thông tin tương ứng, tổng số tiền cần thanh toán hay thông tin đăng ký cần vay mới
5. Nhập thông tin giao dịch và xác nhận giao dịch.	
	6. Kiểm tra thông tin 6.1. Thông tin hợp lệ, hiển thị xác nhận giao dịch.
7. Xác nhận giao dịch bằng OTP	
	7. Kiểm tra OTP. 7.1. OTP đúng, xử lý yêu cầu thanh toán, khoản vay.
Tiền điều kiện	Khách hàng đã đăng nhập vào hệ thống
Hậu điều kiện	Khách hàng thanh toán khoản vay, tạo khoản vay mới và thông tin được cập nhật trong hệ thống.

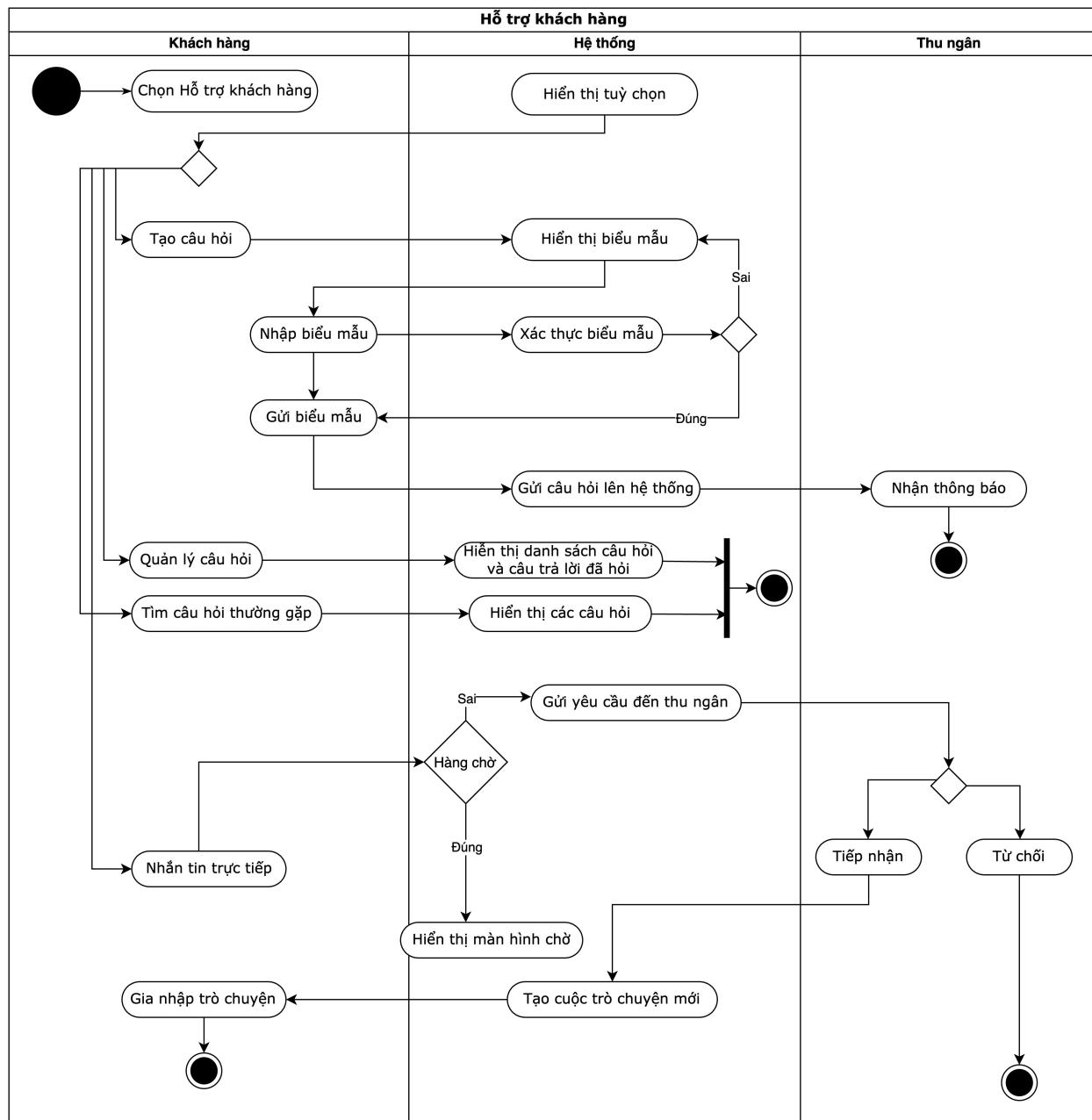
3.1.2 Biểu đồ hoạt động

3.1.2.1 Ca sử dụng: Rút tiền ATM

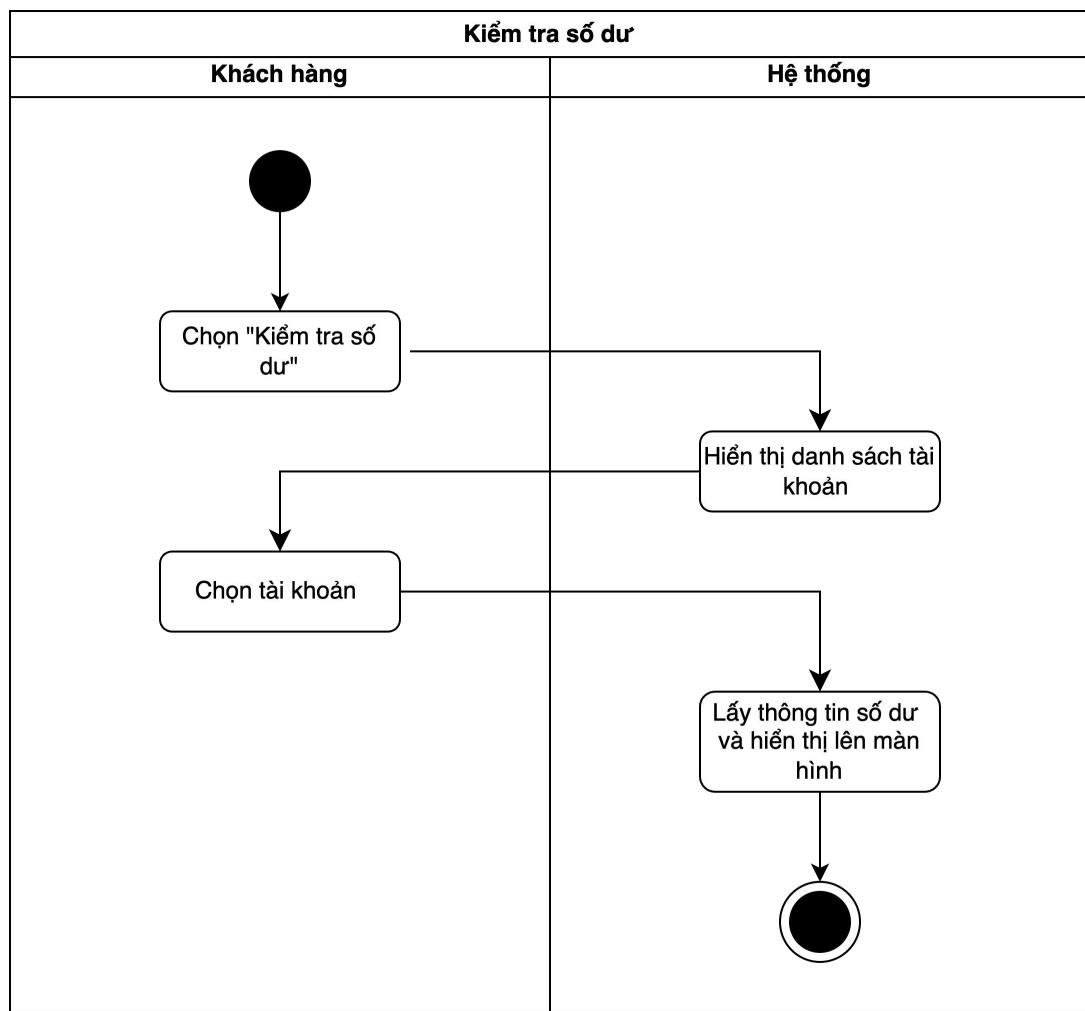
Ứng dụng ngân hàng số thông minh BHDG



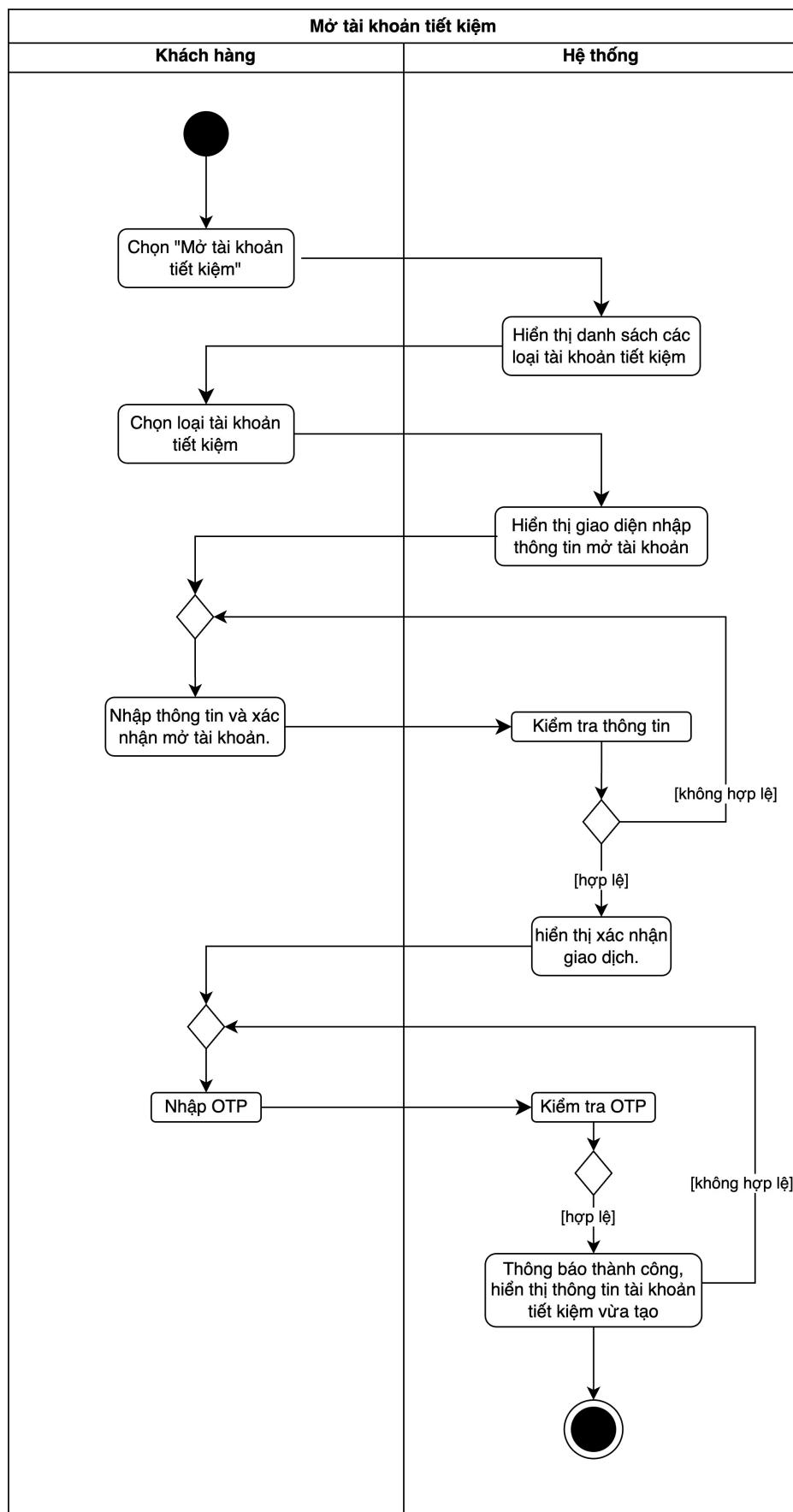
3.1.2.2 Ca sử dụng: Hỗ trợ khách hàng



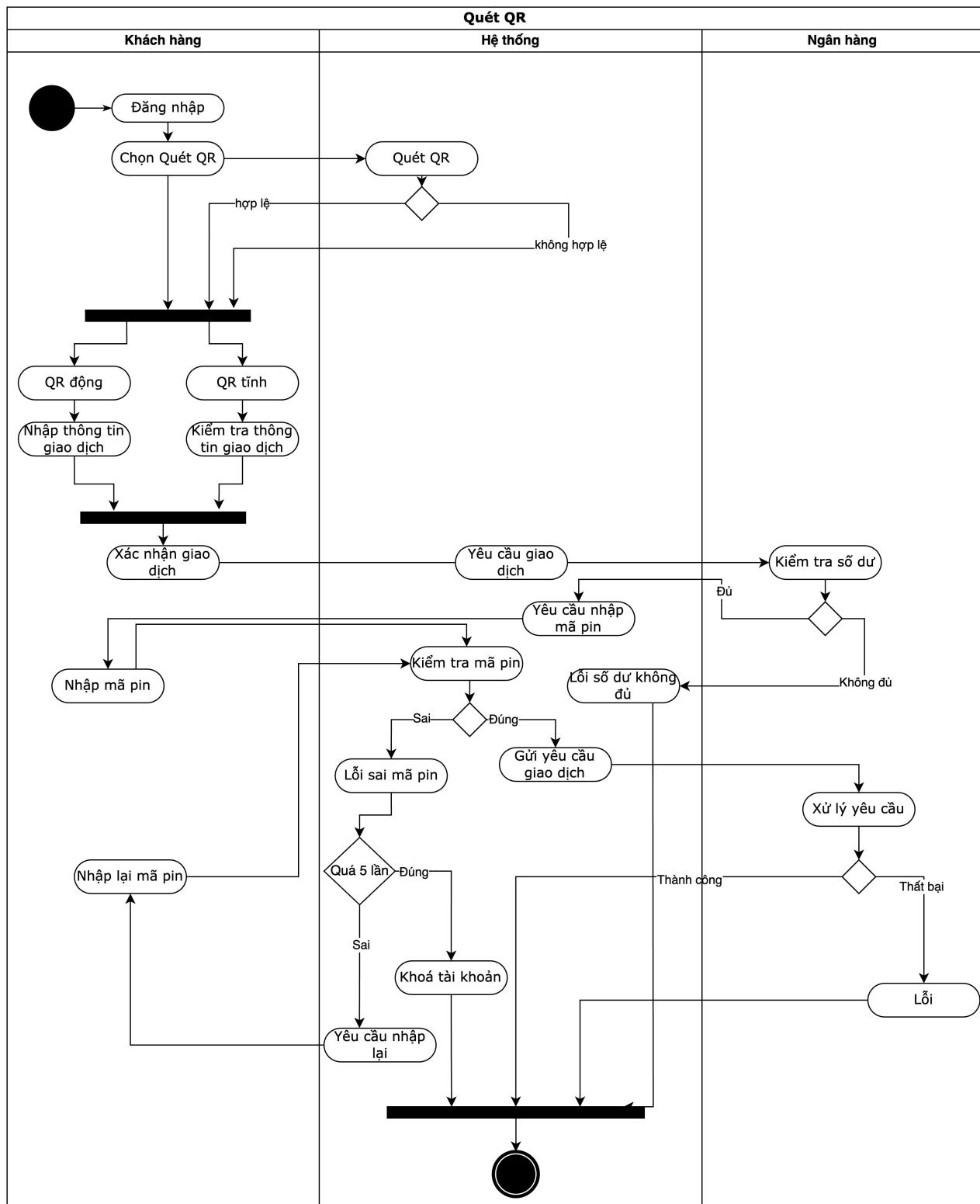
3.1.2.3 Ca sử dụng: Kiểm tra số dư



3.1.2.4 Ca sử dụng: Mở tài khoản tiết kiệm

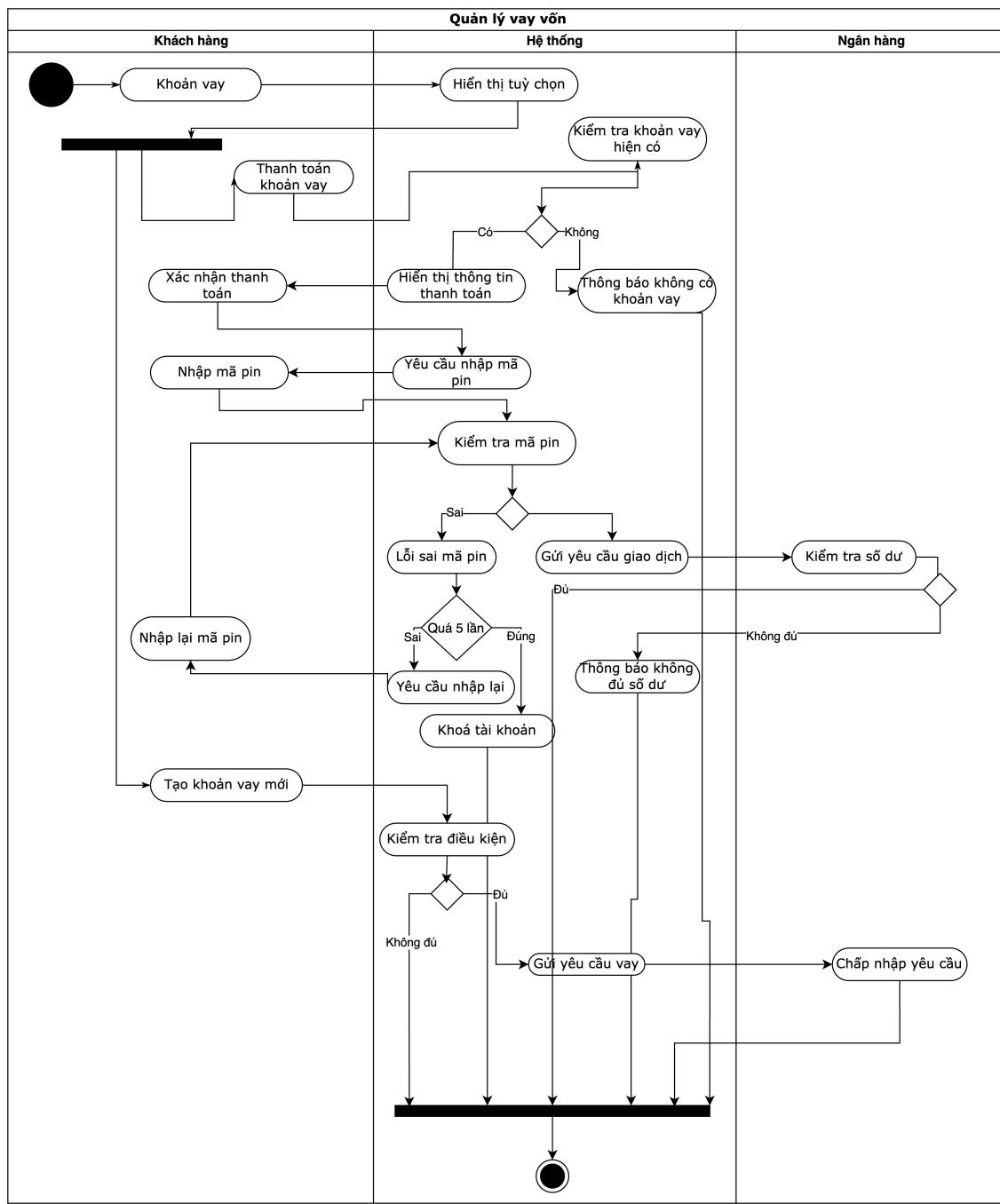


3.1.2.5 Ca sử dụng: Quét QR

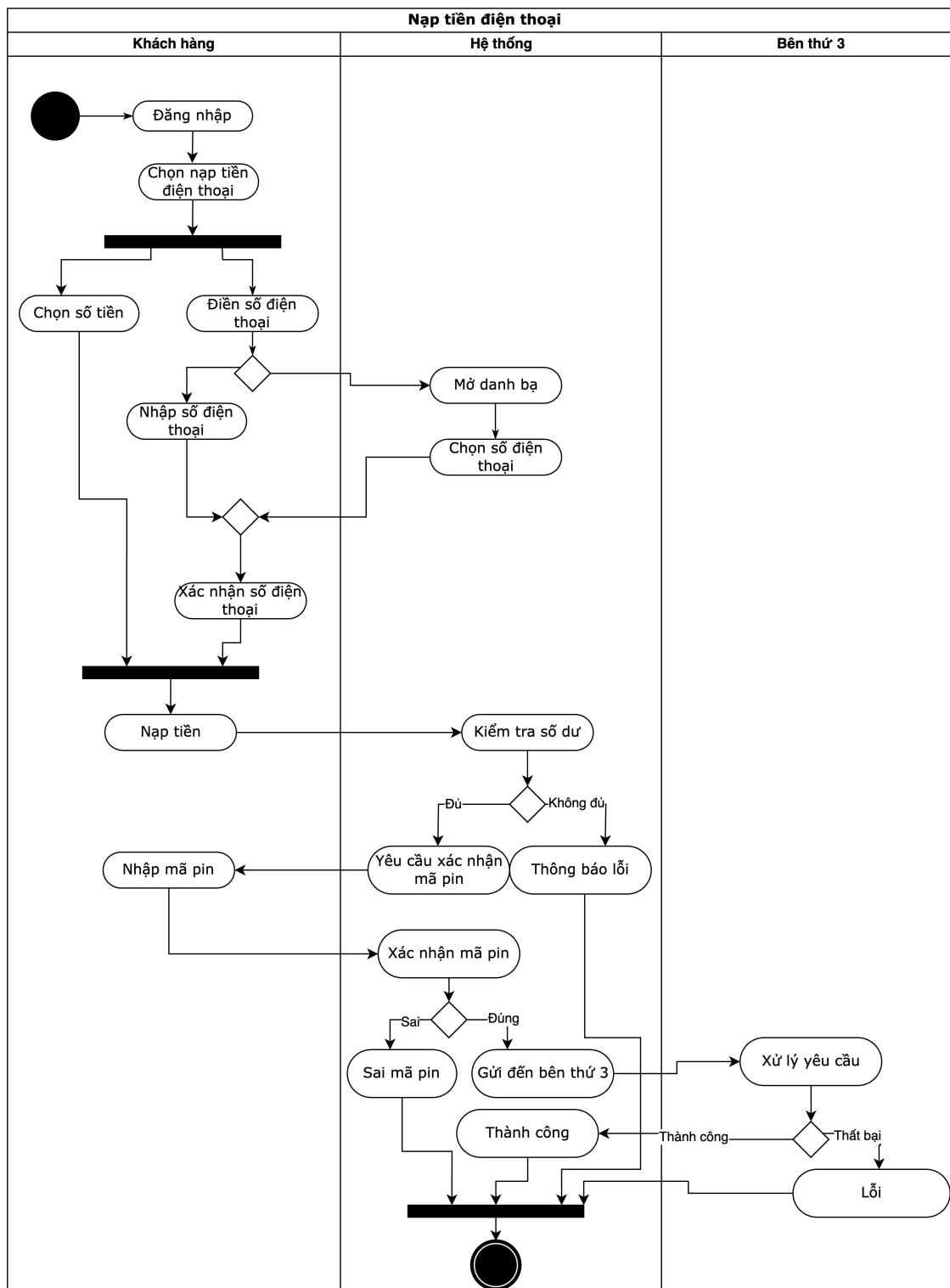


3.1.2.6 Ca sử dụng: Quản lý vay vốn

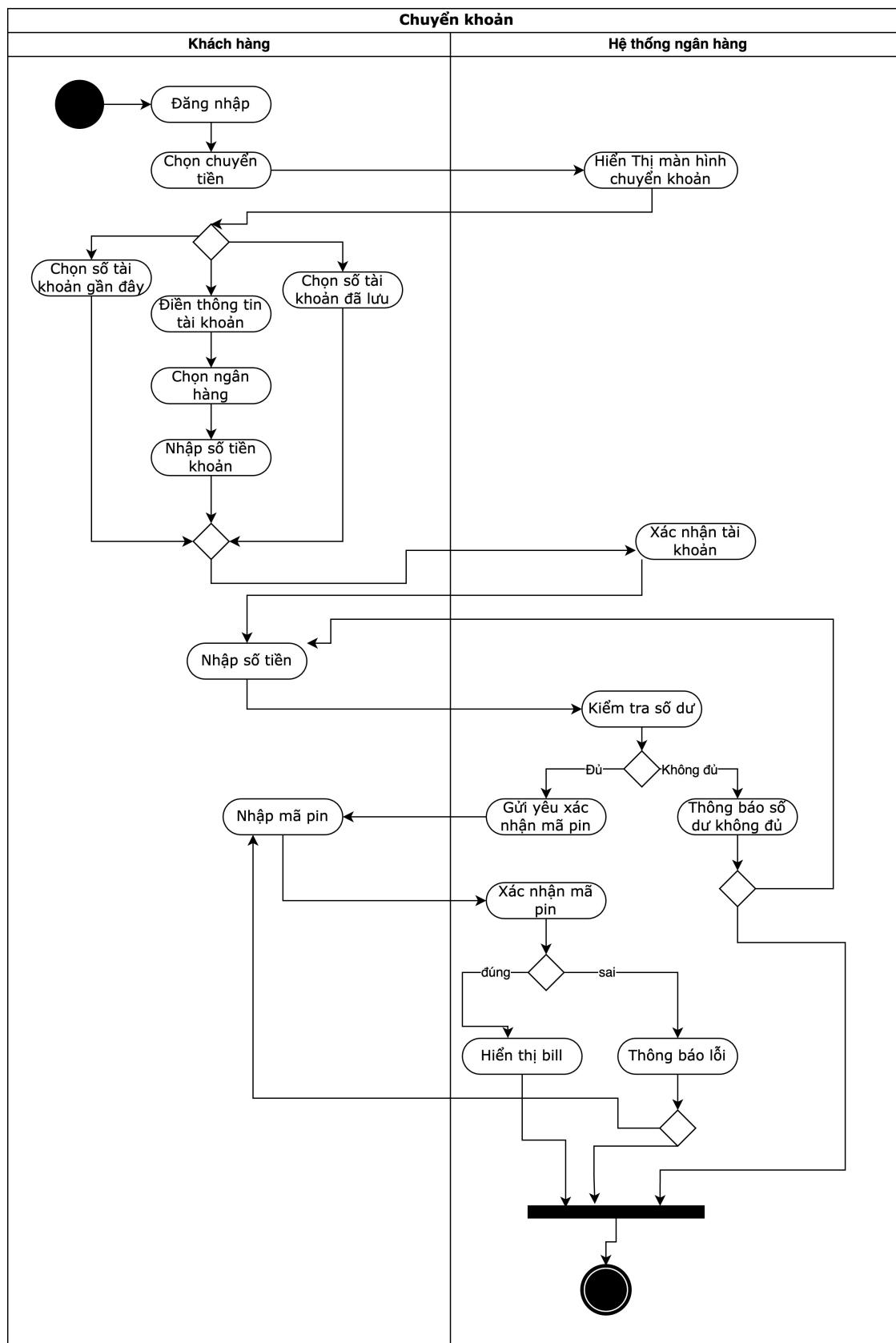
Ứng dụng ngân hàng số thông minh BHDG



3.1.2.7 Ca sử dụng: Nạp tiền điện thoại



3.1.2.8 Chuyển tiền



3.1.3 Biểu đồ tuần tự